

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP
NGÀY 31/12/2024 CỦA CHÍNH PHỦ

Kèm theo Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ , đơn vị công tác	Tuổi nghỉ hưu đúng tuổi		Thời điểm nghỉ thực hiện chính sách 178	Hệ số	PC chức vụ	PC thâm niên vượt khung (%)	Phụ cấp thâm niên	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề/	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội	Thời gian đóng BHXH bắt buộc tính đến thời điểm nghỉ	
				Năm	Tháng									Năm	Tháng
I- người có độ tuổi còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu															
	Sở Tài chính														
1	Hồ Thanh Hải	12/1964	Chánh Thanh tra Sở Tài chính	61	6	01/3/2025	6,44	0,5		7%	20%	25%			
	Sở Kế hoạch và Đầu tư														
2	Tòng Thị Thanh Xuân	8/1969	Chuyên viên văn phòng Sở	57	0	01/3/2025	4,98		5%			25%			
	Sở Nông nghiệp và PTNT														
3	Sùng A Dế	02/1965	Phó Chánh Văn phòng ĐP NTM, Sở Nông nghiệp và PTNT	61	6	01/3/2025	6,78	0,7	6%			25%			
	UBND Thành phố														
4	Lù Thị Đoàn	10/1968	Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin	56	8	01/3/2025	4,98	0,5	6%			25%			

5	Nguyễn Sỹ Lâm	12/1964	Phó Trưởng phòng Kinh tế	61	6	01/3/2025	4,98	0,3	11%			25%			
	Huyện Bắc Yên														
6	Lê Thanh Tam	9/1964	Phó Trưởng phòng TNMT huyện Bắc Yên	61	3	01/03/2025	4,98	0,2	5%			25%			
	Huyện Yên Châu														
7	Hoàng Văn Sướng	4/1964	Nguyên Chủ tịch HCCB xã Viên Lán	61	3	01/03/2025	3,33	0,15				25%			
II- người có tuổi còn từ đủ 02 năm đến 05 năm đến tuổi nghỉ hưu															
	Sở Nội vụ														
8	Hà Thị Sen	12/1970	Thanh tra viên chính, Sở Nội vụ	57	8	01/03/2025	5,08			5%	20%	25%		23	10
9	Phạm Thị Quỳnh Lan	9/1970	Chuyên viên phòng TĐKT, Sở Nội vụ	57	8	01/03/2025	4,98					25%		31	8
10	Nguyễn Phương Lưu	8/1967	Lái xe, Sở Nội vụ	62	0	01/03/2025	4,03		15%			25%		32	-
	Sở Tài chính														
11	Hoàng Thị Thu Hiền	1/1971	Phó Trưởng phòng TCHCSN, Sở Tài chính	57	8	01/03/2025	4,98	0,3	5%			25%		30	6
12	Hồ Thị Nam	10/1971	Chuyên viên văn phòng Sở Tài chính	58	0	01/03/2025	4,98		5%			25%		30	3
13	Phạm Ngọc Hải	12/1966	Phó Trưởng phòng TCDN, Sở Tài chính	62	0	01/03/2025	5,76	0,3				25%		35	10
14	Đình Sỹ Châu	10/1965	Phó Chánh Thanh Tra Sở Tài chính	61	9	01/03/2025	4,98	0,3	6%	9%	25%	25%		35	
	Sở Lao động - Thương binh và xã hội														
15	Nguyễn Thị Hải Yến	5/1971	Chánh Thanh tra Sở Lao động TBXH	58	0	01/03/2025	4,98	0,5	12%		25%	25%		37	6

	Huyện Quỳnh Nhai														
16	Nguyễn Tiến Sơn	8/1966	Phó Trưởng phòng LĐTBXH huyện Quỳnh Nhai	62	0	01/03/2025	4,98	0,2	6%			25%		34	6
	Huyện Sông Mã														
17	Nguyễn Văn Nghĩa	12/1966	Trưởng Phòng Văn hoá và Thông tin huyện Sông Mã	62	0	01/03/2025	4,65	0,3				25%		38	5
18	Nguyễn Công Hưng	2/1966	Chuyên viên Phòng TNMT huyện Sông Mã	61	9	01/03/2025	4,98		7%			25%		39	11
	Huyện Phù Yên														
19	Cầm Ngọc Sơn	1/1966	Chuyên viên Phòng Kinh tế Hạ tầng	61	9	01/03/2025	3,99					25%		28	7
	Huyện Thuận Châu														
20	Lường Văn Phượng	9/1966	Chuyên viên Phòng LĐTBXH	62	0	01/03/2025	4,98		7%			25%		34	6
	Sở Nông nghiệp và PTNT														
21	Lò Văn Hùng	11/1965	Viên chức, Trạm kiểm dịch Động vật Vn hồ, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản, Sở Nông nghiệp và PTNT	61	9	01/03/2025	4,98		10%		20%			40	2
	Huyện Yên Châu														
22	Hoàng Văn Lây	11/1965	Nguyên Bí thư đảng ủy xã Viêng Lán	61	9	01/03/2025	4,65	0,3				25%		28	7
III- người có tuổi còn trên 5 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu															
	Sở Nội vụ														
23	Lê Thị Miên	10/1973	Chuyên viên chính, Sở Nội vụ	59	0	01/03/2025	5,76					25%		34	7

	Sở Kế hoạch và Đầu tư														
24	Triệu Tuấn Pha	10/1968	Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh	62	0	01/03/2025	5,42	0,5				25%		36	5
	Sở Nông nghiệp và PTNT														
25	Nguyễn Thị Hà	06/1973	Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra Sở Nông nghiệp PTNT	59	0	01/3/2025	4,98	0,3			25%	25%		32	11
	Sở Lao động - Thương binh và xã hội														
26	Phạm Hồng Hải	5/1968	Phó trưởng phòng LĐVL và GDNN	62	0	01/03/2025	5,76	0,3				25%		32	6
	Huyện Sông Mã														
27	Trần Văn Sơn	11/1971	Phó Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Sông Mã	62	0	01/03/2025	4,98	0,2	6%			25%		32	-
28	Đặng Thanh Hưng	10/1972	Phòng Văn hóa TT huyện Sông Mã	62	0	01/03/2025	4,65					25%		24	-
	Huyện Yên Châu														
29	Mè Văn Xiềng	9/1968	Nguyên Chủ tịch MTTQ xã Viêng Lán	62	0	01/03/2025	3,66	0,2				25%		27	9
30	Lừ Văn Xôm	5/1968	Nguyên Chủ tịch Hội Nông dân xã Viêng Lán	62	0	01/03/2025	3,0	0,15				25%		20	7
31	Quảng Văn Minh	3/1972	Nguyên Công chức TCKT xã Viêng Lán	62	0	01/03/2025	4,06					25%		26	1
	Huyện Mộc Châu														
32	Hoàng Văn Hậu	12/1968	Phó Bí thư ĐU xã Đoàn Kết, thị xã Mộc Châu	62	0	01/03/2025	3,33	0,3				25%		29	6

33	Cầm Hải Yến	11/1969	Phó Bí thư ĐU xã Đoàn Kết, thị xã Mộc Châu	62	0	01/03/2025	3,33	0,3				25%		23	2
34	Mùi Văn Quyền	4/1966	Nguyên Chủ tịch Hội CCB xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu (nay là xã Tân Yên, thị xã Mộc Châu)	62	0	01/03/2025	3,33	0,15				25%		29	11
	Huyện Thuận Châu														
35	Bạc Cầm Long	1/1973	Phó Chủ tịch UBND xã Phông Ly	62	0	01/03/2025	3,26	0,2				25%		28	2
36	Lường Văn Hòa	10/1966	Phó Chủ tịch HĐND xã Phông Ly	62	0	01/03/2025	3,06	0,2				25%		20	8